

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

MAI THỊ MINH THIÊN

**TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT TÍN DỤNG
ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA
TẠI CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG NAM**

**Chuyên ngành : Tài chính Ngân hàng
Mã số : 60.34.20**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2012

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. LÊ HUY TRỌNG

Phản biện 1: TS. Võ Thúy Anh

Phản biện 2: TS. Tống Thiện Phước

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 18 tháng 02 năm 2012.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam đang từng bước phát triển kinh tế theo xu thế toàn cầu, hội nhập với nền kinh tế với các nước trong khu vực và trên thế giới. Trong giai đoạn đầu mới hội nhập, vượt qua những khó khăn thử thách, nền kinh tế Việt nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Trong đó, hoạt động của ngân hàng, tạo một nguồn lực sống, góp phần quan trọng vào sự phát triển của đất nước. Khi nói đến hoạt động ngân hàng, thì hoạt động đem lại lợi nhuận cao nhất và là hoạt động chủ yếu, đó là hoạt động tín dụng.

Sự phát triển của nền kinh tế, tạo điều kiện cho các DN mới ra đời, chủ yếu là các DNNVV. Ước tính đến đầu năm 2010, Việt Nam có khoảng gần 500,000 DNNVV hoạt động. Tuy nhiên, DNNVV hoạt động tại Việt Nam còn nhiều trở ngại về cách thức và nội dung hoạt động. Phần lớn các DNNVV hoạt động được nhờ sự hỗ trợ từ nguồn vốn vay của các ngân hàng thương mại. Tuy nhiên, trong hoạt động tín dụng dành cho khách hàng DNNVV tại các ngân hàng thương mại hiện nay còn tiềm ẩn rủi ro cao, và trong những năm gần đây, nợ xấu ở nhóm khách hàng này tăng cao, làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính trong hoạt động tại ngân hàng thương mại.

Xuất phát từ thực tế đó, tại Chi Nhánh NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam, hoạt động tín dụng nói chung và hoạt động cho vay DNNVV nói riêng luôn kiểm soát tín dụng nhằm hạn chế rủi ro có thể xảy ra, đem lại lợi nhuận cao nhất cho Chi Nhánh trong hoạt động kinh doanh tín dụng. Do vậy, *“Tăng cường kiểm soát tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Chi Nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Tỉnh Quảng Nam”* đã được tác giả chọn làm đề tài nghiên cứu.

2. Mục đích nghiên cứu

- Tổng hợp lý luận chung về tín dụng ngân hàng và kiểm soát

tín dụng trong hoạt động cho vay tại NHTM.

- Phân tích thực trạng công tác kiểm soát tín dụng đối với DNNVV tại Chi Nhánh NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam.

- Đề xuất những giải pháp nhằm tăng cường kiểm soát tín dụng đối với DNNVV tại Chi Nhánh NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đề tài nghiên cứu về kiểm soát tín dụng đối với DNNVV tại Chi Nhánh NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam theo cách tiếp cận kiểm soát thông qua quy trình cho vay và các thông số đo lường rủi ro tín dụng đối với DNNVV.

- + Về không gian: Tại Chi Nhánh NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam.

- + Về thời gian: số liệu được phục vụ cho việc nghiên cứu được thu thập từ năm 2007 đến năm 2010.

4. Phương pháp nghiên cứu

Thu thập và xử lý thông tin từ hệ thống báo cáo tài chính của Ngân hàng No&PTNT tỉnh Quảng Nam và các tài liệu nội bộ khác, từ các nguồn sách báo, các phương tiện truyền thông, thông tin thương mại... Qua đó sử dụng phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp... để nghiên cứu

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

- Hệ thống những lý luận về tín dụng ngân hàng và kiểm soát tín dụng của ngân hàng thương mại.

- Đề xuất các giải pháp tăng cường kiểm soát tín dụng đối với DNNVV tại Chi Nhánh NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam, giúp Chi Nhánh đề ra các giải pháp trong hoạt động tín dụng tăng trưởng bền vững, giảm thiểu rủi ro thấp nhất, đem lại an toàn vốn cao cho toàn hệ thống.

6. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu và phần mục lục, luận văn được cấu trúc thành 3 phần:

- **Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm soát tín dụng trong hoạt động của ngân hàng thương mại và doanh nghiệp nhỏ và vừa.**

- **Chương 2: Thực trạng công tác kiểm soát tín dụng đối với DNNVV tại Chi nhánh NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam.**

- **Chương 3: Giải pháp tăng cường kiểm soát tín dụng đối với DNNVV tại Chi nhánh NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam.**

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VÀ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1.1. Tổng quan về hoạt động tín dụng ngân hàng

1.1.1. Khái quát về hoạt động tín dụng ngân hàng

1.1.1.1. Khái niệm về tín dụng ngân hàng

Tín dụng là một quan hệ giao dịch về tài sản (tiền hoặc hàng hóa) giữa bên cho vay(ngân hàng hoặc các định chế tài chính) và bên đi vay(cá nhân, doanh nghiệp và các chủ thể khác); trong đó bên cho vay chuyển giao về tài sản cho bên đi vay sử dụng trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận, bên đi vay có trách nhiệm hoàn trả vô điều kiện vốn gốc và lãi khi đến hạn thanh toán.

1.1.1.2. Đặc điểm và công cụ hoạt động của tín dụng ngân hàng

- ❖ Đặc điểm của tín dụng ngân hàng:
- ❖ Công cụ hoạt động của tín dụng ngân hàng:

1.1.1.3. Vai trò của hoạt động tín dụng đối với NHTM

- Là hoạt động mang lại nguồn thu chủ yếu trong hoạt động kinh doanh NHTM:

- Là cơ sở để ngân hàng thu hút và phát triển khách hàng:

1.1.2. Chỉ tiêu đánh giá hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại

1.2. Tổng quan về DNNVV

1.2.1. Khái niệm về DNNVV

Năm 2009, Chính phủ Việt Nam ban hành Nghị định 56/2009/NĐ- CP ngày 30/06/2009 về trợ giúp phát triển DNNVV và Nghị định nay thay thế Nghị định 90/2001/NĐ-CP, định nghĩa về DNNVV như sau: “ *DNNVV là cơ sở kinh doanh đã đăng ký theo pháp luật hiện hành, được chia thành ba cấp: siêu nhỏ, nhỏ, vừa theo quy mô tổng nguồn vốn (tổng nguồn vốn tương đương với tổng tài sản được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp) hoặc số lao động bình quân năm (tổng nguồn vốn là tiêu chí ưu tiên)*”

1.2.2. Các đặc điểm tài chính chuyên biệt cho các DNNVV

1.3. Kiểm soát tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại ngân hàng thương mại

1.3.1. Khái niệm về kiểm soát tín dụng

Kiểm soát tín dụng là một hoạt động nhằm phục vụ hai mục đích: (1) tăng doanh số cho vay bằng cách mở rộng tín dụng cho khách hàng; (2) giảm thiểu nguy cơ rủi ro từ các khoản nợ xấu bằng cách hạn chế hoặc từ chối tín dụng đối với khách hàng đã quá hạn.

Kiểm soát tín dụng bao gồm: kiểm soát khoản vay và kiểm soát danh mục.

1.3.2. Vai trò của kiểm soát tín dụng đối với ngân hàng thương mại

- *Thứ nhất*, kiểm soát tín dụng giúp ngân hàng nhận biết kịp thời bất cứ một sự giảm sút chất lượng tín dụng hoặc rủi ro của khoản vay để có thể có những biện pháp kịp thời nhằm bảo vệ lợi ích của ngân hàng.

- *Thứ hai*, kiểm soát tín dụng thường xuyên giúp ngân hàng nhận biết được các cơ hội mới đối với các quan hệ cho ngân hàng thông qua việc nắm bắt các nhu cầu mới của khách hàng.

- Kiểm soát danh mục giúp ngân hàng quản lý kết cấu danh mục tín dụng đảm bảo tuân thủ chính sách tín dụng và các quy định pháp lý trong hoạt động tín dụng, hướng tới mục tiêu giảm thiểu rủi ro và tối đa hóa lợi nhuận cho toàn bộ hoạt động của ngân hàng.

1.3.3. Mục tiêu của kiểm soát tín dụng

1.3.4. Nội dung của kiểm soát tín dụng đối với DNNVV tại các ngân hàng thương mại

1.3.4.1. Nội dung của kiểm soát tín dụng đối với DNNVV bao gồm

- Kiểm soát tuân thủ.
- Kiểm soát rủi ro tín dụng:

1.3.4.2. Cách thức kiểm soát tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các ngân hàng thương mại:

- Kiểm soát trực tiếp
- Kiểm soát gián tiếp

1.3.4.3. Kiểm soát tín dụng đối với DNNVV trong hoạt động của ngân hàng thương mại được phân theo trình tự thời gian cấp tín dụng:

Để công tác kiểm soát tín dụng đối với DNNVV tại các NHTM, đòi hỏi đó là một quy trình được tiếp cận một cách khoa học từ khi bắt đầu cấp tín dụng cho khách hàng đến khi thu hồi được nguồn vốn vay trở về với NHTM, trên nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả sử dụng vốn vay tại ngân hàng, bao gồm:

- Kiểm soát trước khi cho vay
- Kiểm soát trong khi cho vay
- Kiểm soát sau khi cho vay.

a. Kiểm soát trước khi cho vay:

Kiểm tra hồ sơ pháp lý của khách hàng:

Kiểm tra các thông tin thu thập về khách hàng vay vốn:

b. Kiểm soát trong khi cho vay:

- *Đánh giá khách hàng vay:*

. Bao gồm 2 loại phân tích: Phân tích tài chính và phân tích phi tài chính

- Phân tích phi tài chính:

- Phân tích tài chính:

- *Kiểm soát trong công tác thẩm định biện pháp bảo đảm tiền vay:*
- *Kiểm soát trong công tác thẩm định phương án vay vốn của khách hàng:*

c. *Kiểm soát sau khi cho vay:*

- ✓ *Nhận biết các dấu hiệu của các khoản vay có vấn đề:*
- ✓ *Phân loại các khoản vay*

1.3.2. Đặc điểm của DNNVV ảnh hưởng đến công tác kiểm soát tín dụng trong hoạt động của ngân hàng thương mại

1.3.2.1. Nhận diện rủi ro tài chính đối với khách hàng DNNVV

- ✓ *Rủi ro trong thực hiện các giao dịch liên quan trực tiếp đến tài chính:*
- ✓ *Rủi ro liên quan đến thay đổi chính sách, pháp luật:*
- ✓ *Rủi ro phát sinh từ nội bộ doanh nghiệp:*
- ✓ *Rủi ro khác:*

1.3.2.2. Nguyên nhân của rủi ro tín dụng đối với DNNVV trong hoạt động của NHTM

- Các DNNVV thường đưa ra các báo cáo tài chính với số liệu chưa trung thực với hoạt động kinh doanh thực tế, không chuẩn mực và chưa được kiểm toán từ các cơ quan chức năng.

- Công tác kiểm soát sau khi cho vay còn nói lỏng

- Sự kiểm soát lãi suất và ảnh hưởng đến phân bổ tín dụng của chính phủ cũng như ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận nguồn vốn chính thức của DNNVV.

- Các DNNVV chưa tạo lập được niềm tin, uy tín của mình đối với các NHTM nên khả năng tiếp cận nguồn vốn vay chưa cao.

- Bên cạnh đó, các NHTM chưa nắm rõ được quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh theo từng ngành nghề, lĩnh vực kinh tế khác nhau.

1.3.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác kiểm soát tín dụng đối với DNNVV

1.3.3.1. Các nhân tố bên trong ngân hàng

- Phẩm chất đạo đức của người cán bộ tín dụng
- Hệ thống công nghệ thông tin trong ngân hàng
- Mục tiêu chiến lược hoạch định hoạt động tín dụng của ngân hàng

hàng

- Năng lực quản trị điều hành

1.3.3.2. Các nhân tố ngoài ngân hàng

- Môi trường pháp lý
- Môi trường kinh tế
- Môi trường chính trị xã hội
- Môi trường cạnh tranh

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT TÍN DỤNG ĐỐI VỚI DNNVV TẠI CHI NHÁNH NHNO&PTNT TỈNH QUẢNG NAM

2.1. Tổng quan về Chi nhánh NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam:

2.1.1. Sơ lược về lịch sử hình thành Chi nhánh NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam

2.1.2. Tổ chức hoạt động của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh Quảng Nam

2.1.2.1. Cơ chế hoạt động của Chi nhánh NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam

2.1.2.2. Cơ cấu tổ chức quản lý tại Chi nhánh NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam

2.1.3. Tình hình nguồn nhân lực

2.1.4. Kết quả hoạt động kinh doanh của Chi nhánh NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam

2.1.4.1. Công tác huy động vốn

Kết quả thực hiện đến 31/12/2010, tổng nguồn vốn huy động đạt 3,146,212 triệu đồng, tăng 409,056 triệu đồng, tỷ lệ tăng 15.13 % so với năm 2009 và đạt 106.34% chỉ tiêu kế hoạch Trụ sở chính giao.

2.1.4.2. Tình hình hoạt động tín dụng chung

Nhìn chung, tình hình tăng trưởng tín dụng tại CN NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam tăng đều qua các năm: Năm 2007 tăng 20,45%, năm 2008 tăng 20,69%, năm 2009 tăng 25,35%, năm 2010 tăng 23,98%.

2.1.4.3. Kết quả hoạt động kinh doanh

Chi nhánh NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam luôn xác định trọng tâm trong công tác điều hành kế hoạch kinh doanh là tăng trưởng nguồn vốn huy động bền vững cùng với việc nâng cao chất lượng tín dụng để đạt được kết quả doanh thu từ hoạt động tín dụng hiệu quả nhất. Đến 31/12/2010, tổng nguồn vốn huy động đạt 3.146 tỷ đồng, tăng 413,5 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 15,13% so với năm 2009, đạt 106,34% chỉ tiêu kế hoạch Trụ sở chính giao năm 2010. Những chính sách tiền gửi phù hợp và linh hoạt được áp dụng trên toàn hệ thống đã giúp cho Chi nhánh NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam huy động được nguồn vốn dồi dào và ổn định, đảm bảo tính thanh khoản cao trong hệ thống ngân hàng.

2.2. Thực trạng kiểm soát tín dụng đối với DNNVV tại NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam

2.2.1. Thực trạng hoạt động tín dụng đối với DNNVV tại NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam

2.2.1.1. Tình hình phát triển DNNVV tại Tỉnh Quảng Nam

Trong sự phát triển kinh tế Tỉnh Quảng Nam theo hướng tích cực, sự đóng góp của các DNNVV là một yếu tố quan trọng. Đây là tiềm năng và thế mạnh trong tương lai để đưa nền kinh tế phát triển đạt mục tiêu đã đề ra. DNNVV phát triển về số lượng và chất lượng ngày càng đáp ứng cùng với nền kinh tế thị trường.

2.2.1.2. Tình hình hoạt động tín dụng đối với DNNVV tại CN NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam:

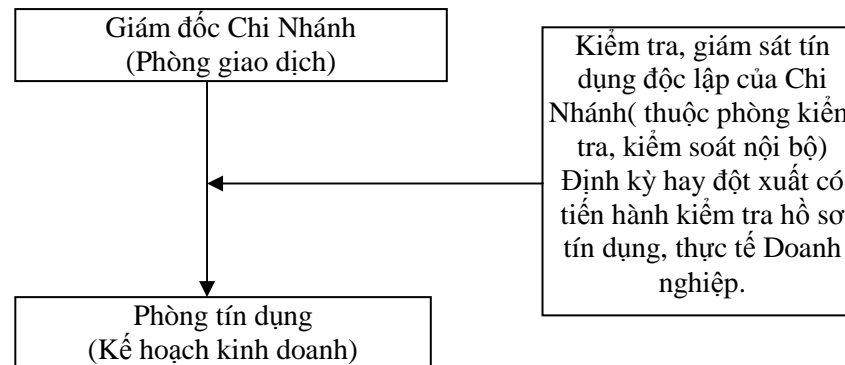
a. Khái quát tình hình cho vay DNNVV trong cho vay chung:

Ta nhận thấy dư nợ tại Chi nhánh NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam tăng trưởng cao qua các năm. Đến cuối năm 2010, dư nợ đạt 3,056,263 triệu đồng, đạt tốc độ tăng trưởng là 23.98%/ năm. Trong giai đoạn từ năm 2007-2010, dư nợ tăng 1,414,686 triệu đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 22.01%/năm. Riêng năm 2009 và năm 2010, nhờ sự hỗ trợ từ các chính sách mở rộng tín dụng của Chính Phủ nên đã thu hút được nhiều khách hàng đến với Chi nhánh, giúp cho việc mở rộng tín dụng doanh nghiệp đạt hiệu quả, góp phần vào việc nâng cao thị phần tín dụng của Agribank Quảng Nam trên địa bàn.

2.2.2. Thực trạng kiểm soát tín dụng đối với DNNVV tại Chi nhánh NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam:

2.2.2.1. Mô hình, cơ cấu quản lý tín dụng:

Được bố trí theo hướng một phòng tín dụng quản lý, ra quyết định toàn bộ khoản vay. Mô hình quản lý tín dụng tại Chi nhánh được thực hiện như sau:



Hình 2.2. Mô hình quản lý tín dụng

2.2.2.2. Thực trạng kiểm soát tuân thủ đối với DNNVV tại Chi nhánh NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam:

- Định kỳ hàng tháng, kiểm tra viên có trách nhiệm kiểm tra toàn bộ hồ sơ tín dụng doanh nghiệp phát sinh trong tháng trên cơ sở quy trình cấp tín dụng của hệ thống.

- Giao hạn mức giải ngân cho giao dịch viên trong mỗi lần giao dịch, đồng thời có sự phê duyệt của cấp trên trong mỗi lần thực hiện bút toán giải ngân cho khách hàng.

- Giao từng hạn mức tín dụng đối với từng khách hàng DNNVV cụ thể.

- Kiểm soát hạn mức tín dụng doanh nghiệp theo nguyên tắc:

- Thực trạng thực hiện kiểm soát hạn mức tín dụng doanh nghiệp tại Chi nhánh NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam:

- Kiểm soát trong chính sách lãi suất tín dụng tại Agribank Quảng Nam:

2.2.2.3. Thực trạng kiểm soát rủi ro tín dụng đối với DNNVV tại CN NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam:

a. Thực trạng kiểm soát tín dụng DNNVV theo trình tự thời gian cấp tín dụng:

Trong quá trình hoạt động tín dụng của hệ thống NHNo&PTNT VN luôn hoàn thiện dần về các định chế, văn bản ban hành về hoạt động ngân hàng nói chung và hoạt động tín dụng nói riêng.

🚩 *Kiểm soát trước khi cho vay:*

🚩 *Kiểm tra trong khi cho vay:*

- *Đánh giá rủi ro khách hàng vay:*

Trong thời gian qua, Agribank Quảng Nam thực hiện việc xếp loại khách hàng hằng năm theo QĐ số 1406/NHNo-TD ngày 23/05/2007 quy định về “ tiêu chí phân loại khách hàng trong hệ thống NHNo&PTNT Việt Nam”

Công tác phân loại khách hàng nay giúp Agribank Quảng Nam có cái nhìn về bức tranh tổng quan của khách hàng đã quan hệ tín dụng với Chi Nhánh. Qua đó, Agribank Quảng Nam quyết định ra hạn mức tín dụng cụ thể đối với từng nhóm khách hàng, nhằm giảm thiểu rủi ro xảy ra đối với hoạt động cho vay.

- *Kiểm soát rủi ro trong công tác thẩm định tài sản đảm bảo tiền vay:*

Bảo đảm tài sản tiền vay là việc khách hàng vay vốn tại NHTM, dùng tài sản của mình hoặc bên thứ ba để cầm cố, thiết chấp, bảo lãnh trong đó các tài sản là QSDĐ và TS gắn liền trên đất; chứng từ có giá; động sản và các loại TS khác...nhằm thực hiện nghĩa vụ của mình đối với ngân hàng. Tại mỗi NHTM có những quy định riêng về tỷ lệ đảm bảo tiền vay bằng phần TS của khách hàng. Riêng tại Agribank Quảng Nam, thực hiện bảo đảm tiền vay bằng tài sản phải tuân thủ các quy định về TS đảm bảo tiền vay của QĐ 1300/QĐ-HĐQT- TDHo ngày 03/12/2007 của Hội đồng quản trị NHNo&PTNT Việt Nam “V/v ban hành quy định thực hiện các biện pháp tiền vay trong hệ thống NHNo&PTNT Việt Nam”.

- *Kiểm soát trong công tác thẩm định phương án vay vốn của khách hàng:*

Trong công tác thẩm định phương án vay vốn của khách hàng, kiểm soát còn mang tính định tính, chưa có một văn bản cụ thể nào quy định cho từng phương án theo từng ngành cụ thể. Tuy nhiên, trong công tác cho vay, bằng nghiệp vụ của người CBTD và bộ phận nghiệp vụ liên quan phải nhận thức được rủi ro có thể xảy ra trên từng món vay. Vì vậy, phương án vay vốn của khách hàng phải đảm bảo những quy định chung của NHNo đề ra, nhằm mang tính khả thi, có khả năng hoàn trả khoản vay tốt thì mới có thể xem xét cho vay.

🚩 *Kiểm soát sau khi cho vay:*

Đây là một trong những giai đoạn quan trọng khi khoản vay đã được giải ngân. Nhằm đề ra những biện pháp ngăn ngừa rủi ro ở từng mức độ khác nhau đối với các khoản vay phát sinh tại Ngân hàng.

➤ *Dấu hiệu nhận biết khoản vay có vấn đề:*

➤ *Phân loại các khoản vay:*

Từ tháng 11/2008, khi hệ thống IPCAS được đưa vào triển khai, số liệu được chuẩn hóa và việc thực hiện phân loại nợ trên toàn hệ thống được thực hiện hiệu quả hơn.

b. Kiểm soát rủi ro tín dụng thông qua các chỉ tiêu đánh giá rủi ro tín dụng đối với DNNVV:

Tỷ lệ nợ xấu của DNNVV:

Nhìn chung tỷ lệ nợ xấu của toàn chi nhánh nói riêng và cho vay DNNVV vẫn duy trì ở mức dưới 5% theo quy định. Điều này cho thấy, Chi Nhánh luôn nỗ lực để nâng cao chất lượng tín dụng chung và của DNNVV nói riêng

➤ *Tỷ lệ nợ xấu phân theo kỳ hạn :*

Bảng 2.11. Tỷ lệ nợ xấu DNNVV theo kỳ hạn cho vay:*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
- Ngắn hạn				
+ Nợ xấu	951	3,809	111,448	68,643
+ Dư nợ	940,868	1,173,329	969,247	1,533,464
+ Tỷ lệ nợ xấu (%)	0.101	0.325	11.498	4.476
+ Tỷ trọng nợ xấu DNNVV (%)	91.44	78.04	94.84	95.78
- Trung hạn				
+ Nợ xấu	89	1,072	6,068	3,027
+ Dư nợ	294,911	345,045	356,017	412,236
+ Tỷ lệ nợ xấu (%)	0.030	0.311	1.704	0.734
+ Tỷ trọng nợ xấu DNNVV(%)	8.56	21.96	5.16	4.22
- Tổng cộng				
+ Dư nợ xấu DNNVV	1,040	4,881	117,516	71,670
+ Tỷ trọng nợ xấu DNNVV(%)	100	100	100	100

(Nguồn: Phòng Tín Dụng NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam)

Trong hoạt động cho vay đối với DNNVV tại Agribank Quảng Nam, phần lớn vốn tín dụng ngân hàng đáp ứng nhu cầu vốn lưu động trong hoạt động kinh doanh của DN. Do vậy, khi phát sinh nợ xấu DNNVV thì tỷ lệ nợ xấu cũng phát sinh tương ứng với kỳ hạn cho vay DNNVV:

➤ *Tỷ lệ nợ xấu phân theo thành phần kinh tế:*

- Hoạt động cho vay DNNVV theo thành phần kinh tế tại Agribank Quảng Nam chủ yếu tập trung vào các loại hình DN như: Công Ty TNHH, Công Ty Cổ phần, DN nhà nước, DN tư nhân. Do vậy, tỷ lệ nợ xấu của DNNVV phân theo loại hình DN còn phụ thuộc vào quy mô phát triển cho vay đối với từng loại hình DN.

➤ *Tỷ lệ nợ xấu phân theo ngành kinh tế:*

Bảng 2.13. Tỷ lệ nợ xấu DNNVV theo ngành kinh tế:

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010	
	Nợ xấu	Tỷ lệ (%)	Nợ xấu	Tỷ lệ (%)	Nợ xấu	Tỷ lệ (%)	Nợ xấu	Tỷ lệ (%)
Nông , lâm nghiệp, thủy sản	53	5.1	77	1.6	510	0.4	302	0.4
Ngành công nghiệp	118	11.3	659	13.5	50.245	42.8	17.103	23.9
Ngành xây dựng	162	15.6	388	8.0	58.057	49.4	45.439	63.4
Thương mại và dịch vụ	572	55	3.355	68.7	8.704	7.4	8.827	12.3
Các ngành khác	135	13	402	8.2	0	0	0	0
Tổng cộng	1.040	100	4.881	100	117.516	100	71.670	100

- Thông qua bảng phân tích 2.13, nhìn chung thực trạng tỷ lệ nợ xấu của DNNVV phân theo ngành kinh tế tại Agribank Quảng Nam có xu hướng giảm dần theo thời gian. Nợ xấu phát sinh tại Chi Nhánh thường tập trung vào các ngành như: ngành công nghiệp; ngành xây dựng và ngành thương mại và dịch vụ.

Tỷ lệ nợ xấu phân loại theo tài sản đảm bảo tiền vay:

Bảng 2.14: Tỷ lệ nợ xấu phân loại theo tài sản đảm bảo

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
- Cho vay có tài sản đảm bảo				
+ Nợ xấu (tỷ đồng)	973	3.784	81.422	57.319
+ Dư nợ có TSĐB (tỷ đồng)	1.046.703	1.116.005	1.077.439	1.443.709
+ Tỷ lệ nợ xấu có TSĐB	0.93	0.34	7.56	3.97
- Cho vay không có tài sản đảm bảo				
+ Nợ xấu (tỷ đồng)	67	1.097	36.094	14.351
+ Dư nợ không có TSĐB (tỷ đồng)	189.076	402.369	247.825	501.991
+ Tỷ lệ nợ xấu không có TSĐB	0.04	0.27	14.56	2.86

Qua bảng phân tích 2.14, ta nhận thấy tỷ lệ nợ xấu phân theo TSDB qua các năm có sự biến động, tuy nhiên, có trong sự kiểm soát của Chi Nhánh.

2.3. Đánh giá chung về thực trạng kiểm soát tín dụng đối với DNNVV tại Chi Nhánh NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam:

✓ Ưu điểm:

- Về cơ bản, thông tin tín dụng của các khách hàng DNNVV được Chi Nhánh nắm bắt thông tin kịp thời khi thực hiện cấp tín dụng.

- Trong quá trình cấp tín dụng đối với khách hàng, công tác kiểm soát các danh mục vay vốn và khoản vay được thực hiện một cách chặt chẽ và thường xuyên.

- Công tác kiểm soát sau khi cho vay, đa phần CBTD lấy thông tin từ lịch sử tín dụng của khách hàng tại Chi Nhánh hoặc liên Chi Nhánh để làm cơ sở theo dõi khoản vay.

- Hệ thống IPCAS đã được đưa và sử dụng và đang hoàn thiện dần, các modul tín dụng đã cung cấp những thông tin tín dụng của khách hàng trong hệ thống nội bộ.

- Chi Nhánh đã thực hiện được việc phân quyền kiểm soát đến từng Chi Nhánh cấp 2, cấp 3 loại 5, trên cơ sở đó, các ngân hàng cơ sở chịu trách nhiệm kiểm soát đối với từng cấp phân quyền.

- Thực hiện việc kiểm soát tín dụng thông qua việc kiểm soát tăng trưởng dư nợ đối với các Chi Nhánh có tỷ lệ nợ xấu trên 5%, khi phát sinh dư nợ mới phải được sự phê duyệt của Ngân hàng cấp trên.

- Công tác kiểm soát tín dụng được thực hiện một cách thường xuyên từ Chi Nhánh đến Hội Sở.

✓ Nhược điểm:

- Nắm chặt tâm lý khách hàng, chưa tạo được khâu chăm sóc khách hàng, hoặc những ưu đãi thiết thực khi khách hàng sử dụng các dịch vụ tại Chi Nhánh.

- Thông tin tín dụng tại các Ngân hàng thương mại trên đại bàn chưa được liên kết với nhau.

- Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ chưa thực được hoàn thiện

- Chưa có bộ phận thẩm định hoạt động độc lập Phòng Tín Dụng.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, một bộ phận vốn tín dụng vẫn còn rủi ro tiềm ẩn. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, từ nguyên nhân về phía khách hàng vay vốn là DNNVV với quy mô còn hạn chế, năng lực chưa cao, công tác quản lý tài chính tại DN chưa thực sự minh bạch cũng là nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng đối với Chi Nhánh. Ngoài ra, còn một số nguyên nhân cơ bản sau:

2.3.1. Nguyên nhân xuất phát từ các nhân tố bên trong ngân hàng:

- *Phẩm chất đạo đức của người cán bộ tín dụng:* người cán bộ tín dụng đóng vai trò quan trọng trong quá trình kiểm soát rủi ro khoản vay của khách hàng. Tại Agribank Quảng Nam, mặc dù CBTD đa phần là những người có kinh nghiệm, tuy nhiên, trong lĩnh vực cho vay DNNVV ở các Chi Nhánh cấp 3, Phòng giao dịch trực thuộc, dư nợ cho vay DNNVV chỉ chiếm tỷ lệ một phần trong tổng dư nợ cho vay. Do vậy, CBTD cũng chưa nắm hết những nguyên tắc về chế độ tài chính – kế toán doanh nghiệp, nên khi phân tích tài chính doanh nghiệp, chưa khai thác được hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp đó.

- *Hệ thống công nghệ thông tin trong ngân hàng:* Hiện tại, chương trình IPCAS của hệ thống cũng chưa hoàn thiện hết về modul khai thác thông tin khách hàng vay vốn, chủ yếu khách hàng có cùng 1 mã khách hàng vay vốn tại 2 Chi Nhánh trở lên thì mới thể hiện trên hệ thống chi tiết về các khoản vay. Ngoài ra, nếu chủ doanh nghiệp thay đổi số chứng minh thư nhân dân, hoặc số giấy phép đăng ký kinh doanh thì CBTD cũng gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm thông tin tín dụng trên hệ thống.

- *Mục tiêu chiến lược quản trị rủi ro tín dụng của ngân hàng:*

Do đặc thù hoạt động của Agribank Quảng Nam được phân bổ theo mạng lưới các địa bàn, vì vậy, tại mỗi Chi Nhánh hoạt động còn phụ thuộc nhiều vào sự phát triển kinh tế xã hội tại địa phương đó. Tuy nhiên, vẫn phải đảm bảo hoạt động hiệu quả, ổn định và hạn chế rủi ro tín dụng có thể xảy ra.

- *Năng lực quản trị điều hành:* Năng lực của ban quản trị điều hành quyết định toàn bộ tính hiệu quả của cả quá trình hoạt động. Tuy nhiên, để đạt được những mục tiêu về tăng trưởng nguồn vốn, tăng trưởng dư nợ theo kế hoạch giao, tại các Chi nhánh trực thuộc Agribank Quảng Nam, ban lãnh đạo thường kiểm soát theo các mục tiêu chung đã được đề ra, nên đối với đối tượng khách hàng là DNNVV, chưa thực sự kiểm soát đầy đủ về thông tin tài chính và thông tin tín dụng của Doanh nghiệp.

2.3.2. Nguyên nhân xuất phát từ các nhân tố bên ngoài ngân hàng:

- *Môi trường pháp lý:* Các văn bản được ban hành chưa được áp dụng hiệu quả, hành lang pháp lý chưa được quản lý chặt chẽ. Do vậy, Doanh nghiệp có thể đưa thông tin về doanh nghiệp mình để cung cấp nơi ngân hàng cho vay chưa được trung thực và minh bạch.

- *Môi trường kinh tế:* Từ năm 2007 đến nay, nền kinh tế cả nước nói chung, và tại Quảng Nam nói riêng, trải qua nhiều giai đoạn khó khăn. Lạm phát tăng cao, giá cả hàng hóa tăng nhanh, lãi suất ngân hàng cũng được điều chỉnh tăng. Điều này dẫn đến các chi phí hoạt động của doanh nghiệp tăng lên, những doanh nghiệp quy mô nhỏ khó có thể đứng vững về tài chính. Cho nên, ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn vốn vay của ngân hàng, dễ tổn thất nguồn vốn mà ngân hàng đã đầu tư vào doanh nghiệp.

- *Môi trường chính trị xã hội:* Tình hình phát triển kinh tế của Tỉnh Quảng Nam chưa được phát triển đồng bộ, đời sống dân sinh bước đầu được ổn định và cải thiện, thu nhập của người dân còn thấp, do vậy, trong quá trình thực hiện các mục tiêu chính trị-xã hội của

Chính Phủ, Agribank Quảng Nam có thể chưa kiểm soát hết được thông tin tín dụng của khách hàng theo các tiêu chí đã quy định.

- *Môi trường cạnh tranh:* Sự ra đời của các NHTM trên địa bàn, trở thành một đối thủ cạnh tranh mạnh mẽ đối với Agribank Quảng Nam. Trước đây, các Chi nhánh trực thuộc Agribank Quảng Nam thường quan hệ tín dụng với một số khách hàng doanh nghiệp truyền thống trên địa bàn hoạt động, chưa mở rộng nhiều cho các quan hệ khách hàng mới.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT TÍN DỤNG ĐỐI VỚI DNNVV TẠI CHI NHÁNH NHNo&PTNT TỈNH QUẢNG NAM

3.1. Phương hướng hoạt động của Chi Nhánh NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam trong thời gian tới

Trên cơ sở thực hiện các kế hoạch chỉ tiêu giao của NHNo&PTNT Việt Nam và định hướng phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn, Agribank Quảng Nam đã xây dựng chiến lược kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2011-2015 như sau:

- Kế hoạch tăng trưởng nguồn vốn trong năm 2011-2015, tăng 16-18% so với năm 2010.

- Dư nợ tăng trưởng tối đa 12% so với năm trước, trong đó dư nợ trung dài hạn chiếm 57% trên tổng dư nợ.

- Tỷ lệ thu nhập ròng ngoài tín dụng trên tổng thu nhập ròng tăng 20% so với năm trước. Lợi nhuận trước thuế bình quân hằng năm đạt tối thiểu 10% lợi nhuận năm kế trước, với hệ số lương xác lập tối thiểu là 1,00 lần.

- Có chính sách hướng về phát triển và tăng tỷ trọng dịch vụ phi tín dụng, để tránh phụ thuộc quá nhiều vào nguồn thu từ hoạt động tín dụng.

- Có chính sách khách hàng vào nguồn vốn thay vì hướng vào chính sách mở rộng tín dụng để đảm bảo nguồn vốn phát triển bền vững, lãi suất hợp

- Xây dựng và thực hiện đồng bộ hệ thống các quy chế, quy trình về quản lý rủi ro, trong đó chú trọng việc xây dựng chính sách khách hàng vay vốn, sổ tay tín dụng...

- Xây dựng danh mục tín dụng phù hợp từng thời kỳ:

- Xây dựng mô hình chuyên nghiệp, chuyên sâu phục vụ

DNNVV.

- Xây dựng chính sách lãi suất linh hoạt đáp ứng

3.2. Giải pháp tăng cường kiểm soát tín dụng đối với DNNVV tại Chi nhánh NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam

3.2.1. Nhóm giải pháp đối với kiểm soát tuân thủ

3.2.1.1. Hoàn thiện và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình cho vay DNNVV

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống đánh giá tín dụng, thiết lập các tiêu chí tín dụng đúng đắn.

- Phân cấp xét duyệt tín dụng và hạn mức phán quyết tín dụng cho từng cấp một cách hợp lý.

- Thiết lập quy trình tín dụng rõ ràng, hạn chế và ngăn ngừa rủi ro do yếu tố con người.

3.2.1.2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả của bộ phận kiểm soát nội bộ tại Chi nhánh:

- *Đẩy mạnh và hoàn thiện công tác kiểm soát nội bộ với các mục tiêu quan trọng, xây dựng được hệ thống kiểm soát những rủi ro tiềm ẩn và bất thường nhằm giúp Chi nhánh có những biện pháp kịp thời*

- *Nâng cao vai trò của công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ:*

- *Thực hiện tốt công tác kiểm tra chuyên đề tín dụng:*
- *Tăng cường của công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ:*

3.2.1.3. Hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ:

Thông qua hệ thống chấm điểm tín dụng DN, sẽ giúp Ngân hàng đánh giá được mức độ rủi ro của khoản vay và khả năng vỡ nợ của khách hàng.

- Khai thác triệt để các thông tin trên hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, để đánh giá đúng được thực trạng của DN được vay vốn tại Ngân hàng.

- Hoàn thiện dần hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo tiêu chuẩn Basel, đúng thông lệ quốc tế.

3.2.2. Nhóm giải pháp đối với kiểm soát rủi ro tín dụng

3.2.2.1. Hoàn thiện công tác đánh giá, phân tích khách hàng

3.2.2.2. Hoàn thiện kỹ thuật, quy trình thu hồi nợ có vấn đề

- ***Ngăn ngừa các khoản vay dẫn đến nợ quá hạn:***

- ***Biện pháp xử lý các khoản vay đã quá hạn:***

3.2.2.3. Hoàn thiện mô hình tổ chức, quy trình cấp tín dụng, quản trị rủi ro

3.2.2.4. Tăng cường công tác giám sát và quản lý nợ vay

3.2.3. Các giải pháp hỗ trợ

3.2.3.1. Nâng cao chất lượng thẩm định tín dụng:

- ***Tăng cường khả năng đánh giá, phân tích tình hình tài chính***

- ***Nâng cao khả năng đánh giá tính khả thi của phương án vay vốn:***

- ***Đưa thông tin phi tài chính vào quá trình thẩm định:***

3.2.3.2. Nâng cao chất lượng cán bộ và công nghệ quản trị rủi ro trong lĩnh vực tín dụng

- ***Nâng cao chất lượng cán bộ:***

- Công tác tuyển dụng nhân sự mới được tuyển dụng công khai, minh bạch, tuyển dụng những nhân tài thực sự cần cho Chi nhánh.

- Đối với những cán bộ đã làm việc thâm niên tại Chi Nhánh, hằng năm, tổ chức các chương trình học tập, trao đổi kinh nghiệm, để giúp cán bộ nhân viên có điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn của mình.

- Chi Nhánh cần xây dựng chính sách đãi ngộ, lương thưởng đối với những cán bộ nhân viên có đóng góp cho hoạt động kinh doanh tín dụng, nhằm khuyến khích tinh thần làm việc của mỗi cán bộ nhân viên tại Chi Nhánh.

- Công nghệ quản trị thông tin:

- Hiện đại hóa công nghệ, góp phần tích cực vào công tác quản trị rủi ro tại Chi Nhánh.

- Thu thập thông tin khách hàng: cần phải đổi mới, đầu tư công nghệ để giúp cho công tác thu thập thông tin khách hàng được thực hiện hiệu quả hơn.

3.2.3.3. Tăng cường các mối quan hệ với các hiệp hội, các ban ngành:

- Xây dựng mối liên kết giữa các hiệp hội DNNVV, hội doanh nghiệp trẻ để nắm bắt được những thông tin kịp thời từ NH.

3.3.1. Đối với NHNo&PTNT Việt Nam

- Hoàn chỉnh quy trình cho vay DNNVV.

- Rút ngắn thời gian trình duyệt hồ sơ cho vay DN đối với những Chi Nhánh có tỷ lệ nợ quá hạn trên 5%;

3.3.2. Đối với NH nhà nước:

- Có văn bản quy định về việc kiểm toán hoạt động ngân hàng hằng năm để xác định được tỷ lệ nợ xấu tại mỗi NHTM.

- Thường xuyên tổ chức thanh tra, giám sát hoạt động tín dụng tại các NHTM.

- Kết hợp với các Ban ngành tại địa phương để quảng cáo, tuyên truyền cho mọi khách hàng nói chung và đối tượng khách hàng

là DN hiểu rõ hơn về ngân hàng, quyền và nghĩa vụ khi thực hiện quan hệ tín dụng.

- Có văn bản hướng dẫn cụ thể về việc xử lý tài sản, pháp mại tài sản thế chấp vay vốn tại ngân hàng.

3.3.3. Đối với Chính phủ

- Tạo hành lang pháp lý đồng bộ cho DNNVV phát triển , dưới sự chỉ đạo của pháp luật.

- Có văn bản hướng dẫn về việc liên kết các Ban , ngành liên quan cùng với ngân hàng khi tổ chức thực hiện xử lý tài sản để thu hồi nhanh các khoản nợ vay

KẾT LUẬN

Kiểm soát tín dụng đối với DNNVV trong hoạt động ngân hàng là một nhiệm vụ trọng tâm trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của NHTM. Đặc biệt, trong bối cảnh chung nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn hội nhập quốc tế cùng với những khoa khắn do ảnh hưởng khủng hoảng kinh tế thế giới. Vì vậy, để đảm bảo hoạt động ngân hàng hiệu quả, tính thanh khoản cao trong toàn hệ thống thì phải thực hiện kiểm soát hoạt động tín dụng một cách khoa học, đúng đắn và phù hợp với từng thời kỳ.

Trước sự gia tăng về tỷ lệ nợ xấu trong hệ thống ngân hàng trong những năm gần đây, đã gây một tổn thất lớn đối với hoạt động tín dụng của NHTM. Chi Nhánh NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam hoạt động kinh doanh trên địa bàn chủ yếu phát triển nông nghiệp nông thôn. Vì vậy, những thiên tai, dịch bệnh xảy ra hằng năm cũng gây ra những tổn thất về vốn tín dụng mà Chi Nhánh đã đầu tư. Vì vậy, để đảm bảo tăng trưởng tín dụng hiệu quả cùng với các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, Chi Nhánh phải đưa ra những chính sách kiểm soát tín dụng kịp thời nhằm đảm bảo an toàn vốn cao. Do đó, luận văn đã đề xuất những giải pháp tăng cường kiểm soát tín dụng DNNVV. Trên cơ sở vận dụng tổng hợp những phương pháp nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận văn đã lý giải được những vấn đề sau:

- Một là, luận văn hệ thống hóa cơ sở lý luận về kiểm soát tín dụng trong hoạt động của ngân hàng thương mại.
- Hai là, luận văn đã phân tích được thực trạng kiểm soát tín dụng đối với DNNVV tại Chi Nhánh NHNo&PTNT Tỉnh Quảng Nam. Qua đó, rút ra được những nguyên nhân còn tồn tại.
- Ba là, trên cơ sở lý luận và thực trạng về kiểm soát tín dụng đối với DNNVV tại Chi Nhánh. Luận văn đã đưa ra những giải pháp

tăng cường kiểm soát tín dụng đối với DNNVV tại Agribank Quảng Nam trong thời gian đến.

Mặc dù tác giả đã hết sức cố gắng, nhưng do những nguyên nhân khách quan và chủ quan nên luận văn không tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả mong nhận được sự góp ý của Quý Thầy, Cô và các bạn quan tâm đến đề tài nghiên cứu này.

Tác giả xin chân thành cảm ơn!